

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Rickaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đỉnh-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thú
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút : Dương-vân-Hiệp
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

Chương trình ngày 7 tháng tư ta
Đức Phật Thích-Ca

LỄ NGHỊ

Ngày mồng 7 tháng tư ta (6-5-38)

Buổi sáng :

- 7 giờ rưỡi các vị đại-đức cùng chư tăng học sinh các trường Phật-giáo lên khóa lễ
- 9 giờ các vị Sa-di ở lớp tiểu-học sơ giai lên khóa lễ toàn bang quốc âm.
- 10 giờ lên tuần đại-cúng.

Buổi chiều :

- 2 giờ học sinh trường Đại-học Phật-giáo lên khóa lễ.
- 3 giờ rưỡi tụng kinh đại-hội pháp-hoa.
- 6 giờ chư tăng lên khóa lễ
- 7 giờ rưỡi diễn thuyết.
- 8 giờ ban hộ-niệm làm lễ (ai vào dự lễ có biểu một quyền khóa lễ mới).

Ngày mồng 8 tháng tư ta (7-5-38)

Buổi sáng :

- 5 giờ rưỡi lễ mộc-dục.
- 8 giờ các vị sa-di ở lớp tiểu-học sơ giai lên khóa lễ.
- 9 giờ rưỡi lên tuần đại-sám.

Buổi chiều :

- 3 giờ Cụ Lớn Võ-Hiền, Hoàng-Tướng-Công diễn thuyết về phương pháp chấn hưng Phật-giáo.
- 5 giờ ban Đồng-nữ dâng hương.
- 6 giờ dâng lục cúng.
- 8 giờ cụ Chánh-hội-trưởng giảng về ý nghĩa tâm-qui, rồi cùng các giáo-hữu thụ tam-qui

Tái bút. — Các giáo-hữu còn ai muốn thụ tam-qui (tức làm lễ qui) nữa, thì trước ngày mồng 7 xin đến chùa Quán-sứ báo cho sự cụ đòng-gia biết để kịp làm lễ.

Phải giải-thoát trí-tuệ cho phụ-nữ

Bài diễn đặng tại chùa Quán - Sứ Hanoi

ngày 15 tháng 2 năm Mậu-dần (16 Mars 1938)

Giải-thoát trí-tuệ cho phụ-nữ tức là một nghĩa cứu cho nhau thoát mọi sự khổ-sở, được mọi sự sung-xương trong đạo từ-bi của Phật đó.

Đạo Phật tuy nghĩa lý bao la rộng rãi vô cùng nhưng chỗ tinh-thần cốt yếu không ngoài một chủ-nghĩa là chủ-nghĩa bình-đẳng. Nguyên vì đức Phật Ngài cho rằng : Hết thầy chúng-sinh đều cùng chịu chung một cái chân tính sáng suốt như nhau tức gọi là Phật tính, cho nên hết thầy chúng-sinh đều có thể học hành tu dưỡng cho mình tiến lên bậc cao siêu hoàn toàn làm Phật làm Thánh được cả. Và dĩ cùng chung với nhau một Phật tính thì là một thể thân thiết với nhau cả, cho nên đối với hết thầy chúng sinh trong thế giới đạo Phật không có phân biệt cái này cái khác một tí gì. Với loài người, không phân biệt giống này nước nọ ; với xã hội, không phân biệt bề sang bậc hèn ; với căn tính người ta, không phân biệt giai cấp gì cả. Đạo Phật cốt mong cho người ta đều được giải thoát như nhau một cách bình-đẳng ở trên cõi tinh thần, đạo Phật không có tư tâm tư ý gian cầm hạn chế gì hạng người nào trong sự tu tiến bao giờ.

Đạo Phật đã không giam cầm, hạn chế gì ai trong sự tu tiến, có lẽ nào lại giam cầm hạn chế bên phụ-nữ là một nửa phần đã cùng bên nam-nhì cùng có công khó công nhọc làm trang nghiêm cho cái cảnh sắc thế-gian này mà không cho mở mang trí tuệ ra ư.

Tuy trong kinh sách đạo Phật có nhiều chỗ bài bác về nữ nhân, nhưng đó là bài bác về nữ sắc, và đề thuyết pháp cho người xuất-gia kia. Nữ sắc là người nữ có cái nhan sắc là lợi, chỉ một đắm say tình dục mà không có cái khi-khái trượng phu gì. Người xuất-gia là người đã tự thề cắt

đứt cái giây tinh ái trời buộc để dang hết đời mình cho đạo, vậy phải chung thân giữ mình cần thận, lánh xa bầy tinh môi được. Tức như câu « sắc bất ba đào dị nhiễm nhân » nghĩa là nữ-sắc không phải là sóng gió thể mà làm chìm đắm người ta dễ như chơi. Cho nên những người còn giai đang lập chí học hành, hoặc phát thể vi khoa-học, vì chủ-nghĩa gì mà hi sinh, cũng phải giữ mình cần thận đối với cái hạng nữ-sắc đang sợ ấy, chứ chẳng một gì người xuất-gia. Ấy trong kinh sách Phật sơ gì bài-bác nữ-sắc là thế, chứ có phải đối với loại người mà bài-bác hết thầy phụ-nữ đâu. Đểu làm thương như chúng ta cũng biết rằng có nam có nữ mới có thể-giáo, nữa là Phật, cho nên trong đạo Phật không những không bài-bác hết thầy phụ nữ mà lại còn đối đãi một cách rất là bình-đẳng. Tức như trong hội đệ tử của Phật là hợp cả bốn hạng người lại mà thành ra, gọi là tứ chúng. Tứ chúng là tăng, ni, thiện, tín. Tăng là sư nam, ni là sư nữ, thiện là thiện nam, tín là tín nữ. Lúc nào Phật thuyết-pháp cũng đủ cả bốn chúng ấy, chứ có ghét bỏ gì bên phụ nữ bao giờ, vô luận nam hay nữ Phật dạy nếu ai chân tu, có công đức lớn với chúng sinh thì cũng thành Phật thành Thánh như nhau cả. Các Ngài chẳng thấy những vị Tỳ-khưu ni, Ưu-bà-đi được chúng quâ nhan nhản ở trong kinh sách Phật đó dư.

Còn như về phương diện xã-hội, thì trong kinh Thiện-sinh, Phật dạy người chồng ăn ở với vợ tử tế là đường nào. Nào tùy lực tùy thời mà sắm ăn sắm mặc cho vợ, nào phải ở một lòng cho vợ tin cậy. Đó đều là cái nghĩa nam nữ bình quyền cả.

Còn gì khó bằng đạo pháp, thế mà kinh Kim-cương nói : « Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân phát được cái tâm a-lỗc-đa la tam-diệu tam-bồ-đề (Tam chính-giác) ». Kinh Pháp-hoa nói : « Như có thiện nam tử thiện nữ nhân thành tựu được bốn phép ». Hai kinh đều xem cả cả thiện nam tử thiện nữ nhân như thế, tỏ ra đạo Phật cho nữ nhân cũng đồng đẳng trí-tuệ như nam tử. Đã nhận của

tri-tuệ nữ cũng như nam, cũng có thể phát bồ-đề tâm, thành tựu công đức như nhau, thì không có lẽ nào đạo Phật lại không muốn mở mang cho tri-tuệ của bên nữ cũng đồng đẳng như bên nam được.

Xét như vậy thì ở Đông Á cũng như ở Ấn độ, mấy nghìn năm nay, tuy có theo đạo Phật mà không thực hành được chủ-nghĩa bình đẳng của đạo Phật, nhất là chủ-nghĩa nam nữ đồng đẳng hưởng thụ giáo hóa. Sở dĩ người ta không thực hành được như thế chỉ là do người ta bị nhiễm sâu về cái ảnh-hưởng của chế-độ giai cấp, của tục- lệ chuyên-chế, của những xã-hội phong-kiến cổ thời.

Vì hay phân biệt giai-cấp nên cho giai là quý, gái là hèn; vì hay chuyên chế nên đàn ông sợ đàn bà thông thái hơn mình mà không bắt nạt được. Chính vì cơ ấy mà người ta chỉ lo mở mang trí-tuệ cho con trai mà không lo mở mang trí-tuệ cho con gái là thế.

Ngày nay phong-hội thế-giới mở mang, những cái lệ-tục phân giai cấp hay chuyên-chế đã trừ bỏ dần dần đi. Tinh-thần bình đẳng của đạo Phật đã thực hành ở các nước Âu-Mỹ một phần lớn. Nhất là vấn-đề giáo-dục đối với con gái cũng coi đồng-đẳng như con trai. Hiện đã tạo được bao nhiêu người tài-năng về nữ-giới, giúp ích cho gia-đình, xã-hội và quốc gia biết bao. Ta há chế thấy ở Âu Mỹ ngày nay, những phụ-nữ làm Tổng-trưởng một bộ trong Chính-phủ, làm Nghị-viên, làm nhà triết-học, nhà kỹ-sự, nhà khoa-học và các nhà chữ danh về đủ các nghề nghiệp không kém đàn ông, còn cái số biết đọc sách viết chữ thì là hầu hết toàn-thê phụ-nữ. Những phụ-nữ ấy khi xưa cũng là một hạng người mà xã-hội bên ấy kình-khi không khác gì phụ-nữ bên ta vậy. Nay người ta được như thế cũng chỉ là xã-hội bên ấy sớm biết giải-thoát trí-tuệ cho phụ nữ mà thôi. Biết lập ra đủ trường nữ học để giáo dục cho phụ nữ mà thôi. Chúng ta theo đạo Phật là một đạo đề-công-nhận nam nữ là đồng-đẳng về trí-tuệ như trên kia tôi đã nói.

Nay gặp thời buổi dân trí trong thế-giới đang thi nhau tiến-lối, chúng ta há không nên đem đạo bình-dẳng của Phật, thực-hành mà giải-thoát trí-tuệ cho phụ-nữ của chúng ta dư.

Cần lắm, cái vấn đề giải-thoát trí-tuệ cho phụ-nữ Việt-nam ta ngày nay thực là cần lắm. Ta đã biết đạo Phật là đạo làm người ta thoát mọi sự khổ được mọi sự sung sướng, vậy ở đời còn có cái khổ nào hơn cái khổ dốt nữa. Sách Phật có nói : « Sự mang nặng của con lạc đà và con lừa kia, chưa gọi là khổ, chỉ những kẻ có mắt mà mù, có tai mà điếc, mới thực là khổ ». Có mắt mà mù, có tai mà điếc, tức là người không biết chữ, là người dốt đặc. Vậy thì phụ-nữ Việt-nam chúng ta, trước khi chưa có chữ quốc-ngữ, hầu hết là không ai đọc được sách. Mới đây có chữ quốc-ngữ, tuy dễ học dễ viết mà đã mấy người được học qua. Thế thì phụ-nữ của ta chịu một cái số phận thiệt thòi về trí tuệ, khổ biết chừng nào. Thế thì muốn cứu khổ cho quần-chúng, muốn khai hóa cho xã-hội, còn gì cần cấp bằng sự giải-thoát trí tuệ cho phụ nữ. Bởi vì sự ngu dốt không biết chữ của phụ-nữ nó không những dễ riêng phụ nữ phải chịu cái khổ có mắt mà mù, có tai mà điếc, mà nó còn làm phương hại cho gia-đình, cho xã hội không phải ít.

Phải biết rằng phụ nữ Việt-nam, trời cho được phần linh tính không những không kém nam-tử mà lại còn lanh-lợi hơn nữa.

Tôi nói thế, chắc nam-giới có người cho là tôi thiên, nhưng ta có xét kỹ mới biết. Kể những bậc danh nhân trên lịch-sử, như hai Bà Trưng và Bà Triệu, gây dựng non sông, làm trang nghiêm cho quốc-độ, Bà Ni Diệu-Nhân đời Lý làm một vị tổ-sư truyền đạo Thiên tông, Bà Nguyễn-thị-Điểm, bà Huyện Thanh-quan để những áng văn-thơ bất hủ cho đất nước, những sự nghiệp oanh liệt ấy đều do tay các Ngài tự lập lấy, chứ xã-hội có ngờ đâu lại có như thế. Song đó là những bậc tới với hiền có.

còn loàn lổn phụ nữ xưa nay thực đã gánh vác một phần lớn trong cái chức vụ sây đắp cho xã hội. Từ nhà ra đồng, từ đồng ra chợ, nào việc tề-gia, việc nuôi nấng con cái, nào việc cấy cấy, nào việc bán buôn, từ việc lao khổ, đến việc chủ-trương, hầu hết là phụ-nữ phải thứa đương tháo vát cả. Cậu học trò cấp sách vào trường, thầy Tổng-lý theo triệu lên Huyện, bác Nhiêu bác Xã được mũ cao áo dài ở chốn đình trung, cho đến những tiệc ma to giỗ lớn ở dân, những cái sĩ diện mua tước quyền hàm ở nước, những sự làm duyên làm phúc với đời hết thảy, không trực-tiếp thì gián-tiếp, không nguyên nhân gần thì nguyên nhân xa, đều nhờ ở ân trạch làm ăn vất vả của phụ nữ cả. Cho nên trong các gia-đình người Việt-nam xưa kia, trừ những nhà quan lại có bổng lộc ra, thì hết thảy những nhà trung lưu phi nhờ được có mẹ hiền hay là vợ đảm thì khó lòng mà nổi được cơ đồ.

Ái cũng thường thấy có nhiều bà người lối cũ, hoặc làm ruộng ở nhà quê, hoặc buôn bán ở chợ phố, chẳng biết chữ nghĩa, chẳng có biên chắc gì mà chủ-trương một cái sản nghiệp khá to, xuất nhập phiên tạp, thế mà các bà nhờ vanh vách đầu ra đấy không sai lầm gì. Coi đó ta biết phụ-nữ Việt nam ta được phần trí tuệ thiên nhiên ưu tú là dường nào.

Việc nước, tài chính ở đâu thì quyền quý ở đấy, việc nhà cũng vậy. Các bà đã làm nên và giữ cái quyền tài chính ở trong nhà tất mọi quyền khác ở trong nhà không khỏi, công nhiên hoặc ám muội ở trong tay các bà. Một người cầm cái thực quyền kinh tế ở trong nhà mà dốt nát không biết chữ nghĩa gì, tất người ấy nghe thấy hẹp hòi, trí thức không cần, xử trí công việc còn ra thế nào. Bèn tôi có câu ngạn ngữ rằng: « Không dạy con gái thực là làm hại cho con gái ». Thực vậy, phụ-nữ mà dốt nát không biết chữ, nhất là phụ-nữ trong những gia đình Việt-nam như trên ấy, không những thiệt thòi cho phụ-nữ mà di hại cho

xã-hội thực lớn lắm. Muốn biết việc giải thoát tri-tuệ cho phụ-nữ ta là cần cấp thế nào, tôi xin nói nói rõ về những cái hại cho gia-đình xã-hội bởi phụ-nữ không có học.

1. Sự sinh hoạt ngày nay tranh thi phức tạp, không giản dị như ngày trước. Làm ruộng có nông học, buôn bán có thương học, vậy nếu các bà không có học thực, tất không đủ sức kinh doanh được những công cuộc lớn lao như của người ta ngày nay, sự nghiệp các bà vì thế mà không phát đạt được. Đó là một cái hại cho nền kinh tế của xã-hội.

2. Vợ không có học-thức, không đủ khuyến khích được chồng, mẹ không có học thức, không biết giáo dục cho con thơ, có khi những vợ những mẹ dốt nát không hiểu lẽ còn làm ngăn trở cả chí khí của chồng của con đi nữa. Đó là một cái hại cho nền giáo dục của gia-đình.

3. Phụ-nữ càng cần thiết đến tông-giáo. Đạo Phật là đạo chính tín, đạo rất thiết thực cho đời có chủ nghĩa chân-chính, có nghĩa lý rất vi diệu, bõ ích cho tâm thân người ta, đản cử như mỗi hiệu Phật đều có nhiều ý-nghĩa rất hay, nếu những tín nữ không biết chữ, thấy lễ thì lễ, thấy niệm thì niệm, còn hiểu gì đến nghĩa lý thực hành được chủ-nghĩa của Phật nữa. Đó là một sự hại về chính tín.

4. Phụ-nữ mà không có học, không biết phân biệt thế nào là lẽ chính, thế nào là ý tà, tất không giữ được lòng chính tín mà bị dụ hoặc về đường mê tín. Suy theo lời Phật dạy ở kinh Di-giáo thì những cái thuật lên đồng, xem số, xem bói, xem đất, cúng nhảm, đều là ngoại đạo, là mê tín nên bài trừ cả. Cái hại về mê tín của xã-hội ta thì nhiều lắm, đây tôi hằng kể hai cái hại về lên đồng và xem bói.

Tục lên đồng thực là cách mượn tên hiệu Thần Thánh mà làm sự giả dối, làm sự bôi nhọ cho danh hiệu của các Ngài. Như việc lên đồng đức Thánh Trần, ra oai thối cổ mà con đồng bị chết nghẹn ngay trước cửa tỉnh, xưa nay

biết bao, nhật báo không mấy khi là không đặng đếu. Những kẻ mạo xưng giả trá lừa người kia bị chết là đáng đời, nhưng việc đó thường liên lụy cho nhiều người khác. Như ở Nam-sách năm nọ, một nhà giàu nọ, mời thầy đồng bát tá cho vợ, đồng « nhà Thánh » về ra oai, thật cổ, thế nào chết ngay. Việc án mạng ấy thành to chuyện, nhà chủ bị xạt nghiệp.

Lại một bà nhà giàu kia, nhân con đau mắt, mời đồng cô lên đồng cho thuốc. Cô truyền lấy cành xương rồng nướng đi mà trườn và hóa bỏ hóng với nước vô mà rỏ. Thành ra con bị mù. Ấy là những cái hại trông thấy, còn những cái hại ngầm về tiền tài, về đức tính còn nhiều.

Thuật bói toán cũng là thuật nói nhảm nói dựa để lừa đời. Thế mà các bà, những bà vô học, hay tin lắm! Trong nhà hơi có việc gì không yên là đi xem bói ngay. Như một việc nuôi người ốm, nhà mà người đàn ông có quyền còn khá, chủ nhà mà đức ông rầu quặp thì các bà làm rất nhiều. Thấy ốm là đi hỏi thầy bói, bói phải ra ma, phi bà có ông mãnh thì Chàng ba Long-vương bắt vía. Taế rồi về, bỏ người ốm năn nờ chẳng lo thuốc thang gì, nhà có bao nhiêu người chỉ tưu tít về việc cúng cấp, mề gà, thối sói, vàng mã từng đồng, con lốt tam đầu củn vĩ và hình nhân thế đại, chổng phách khua vạng, người xem đầy nhà. Có bệnh vì huyền não mà thêm nặng, có bệnh vì mái công không có thuốc mà chết cũng nhiều.

Ấy cái hại phụ nữ thất học là thế. Hại cho bản thân phụ nữ, hại cho gia đình cho xã-hội, cho giáo hóa là thế. Nay muốn bồi đắp cho gia đình, xã hội, cải cách phong tục, ta cần phải lo đến việc bình-đẳng giáo-hóa của đạo Phật mà thực hành giải thoát trí-tuệ cho phụ-nữ ta.

Gần đây nhà nước đã mở các trường nữ học, nữ giới đã có nhiều người làm giáo sư, y sĩ, nhưng số trường còn ít mà môn học còn thiếu. Con gái thành phố còn không đủ trường để học nữa là nhà quê. Cho được bỏ chợ vào chỗ thiếu thốn và cần dùng ấy, quốc dân ta phải nên, một là xin

Nhà-nước mở thêm nhiều trường nữ học, hai là cõ-dộng cho những hội phúc, những nhà từ thiện hoặc những nhà doanh-nghiệp cũng được, mở ra nhiều trường nữ-học tư, dạy đủ mọi môn tân-học, nữ công, nữ tác, sau nữa mở nhiều những lớp dạy làm phúc không lấy tiền, cho những con gái nhà nghèo không có lương vào trường, được biết đọc biết viết chữ quốc-ngữ, và hỗn phép tính. Ba là khuyến-kích cho nhà nào có con gái cũng phải tùy gia lực mà cho con đi học nhiều ít cũng như đối với con trai.

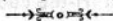
Phụ nữ ta đã vốn có thiên-tư minh-mẫn và đã gánh vác nhiều công-cuộc kinh-lẽ cho gia-đình xã-hội như trên ấy, nếu nay được đồng-đẳng giáo-dục như con trai thì sau này giúp ích cho đời chưa biết chừng nào. Gia-đình xã-hội, quốc gia, giáo hóa, đều có ảnh-hưởng lớn ở đó.

Giấy báo cho kẻ khác là một công - đức rất lớn trong đạo Phật. Thế mà phụ-nữ của ta là nửa phần gây dựng, gia-đình, xã-hội của ta như trên đã nói, hiện nay vẫn còn đang bị chìm đắm trong cái bể khổ dốt nát có mặt mà mù, có tai mà điếc như mấy nghìn xưa, đáng lặn mất là đường nào. Vậy phúc nào cho bằng phúc này. Cái phúc cứu vớt cho nhau ra khỏi cái bể khổ dốt nát ấy. Xin các Ngài trông hội ngoài hội cùng khắp đồng bào xa gần lưu tâm. Hà xa công đức.

Ng. tr. Thuật

CÂU TRUYỆN ĐẠO PHẬT VỚI VIỆC LÀNG

(tiếp theo)



Chủ: — Sau nữa xin nói về việc hợp hoan của làng. Người ta quần-tụ với nhau, phải có những lúc hợp mặt vui chơi, ăn uống, chuyện-tỏ múa hát, vừa để giải phiền muộn, nuôi tinh tình, vừa để trao đổi ý kiến và vừa để

vui vầy với quần-chúng, cho càng thêm cảm kích về cái nghĩa hợp-quần, cho bớt dạ tư-lâm, tăng lòng công-nghĩa, mà bồi-bổ vào cái phong tương ái tương-thân. Bởi thế cỗ-nhân đặt ra trong các làng, mỗi năm có lệ đóng đám, trọn thời tiết lạnh, việc nóng thư thả mở ra nào rước sách, nào yến-âm, nào ca-vũ bích-kì ở đình, cho người làng đều dự, đó chính là do cái nghĩa hợp-hoan của công dân mà ra. Song lúc đó về thời đại thần-quyền, cỗ nhân không dám lấy danh-nghĩa công-dân hành-lạc, mà phải mượn vào thần-quyền, lấy tiếng là vì thần mà làm. Song phải biết, đã là sự hành-lạc, thì phải cho cùng vui, cho cùng vui phải cho tự-do mới có thú vị.

Tự-do ăn uống, nói cười, miễn là không quên lễ-nhượng thì thôi. Nay đem sự hành-lạc vào trong sự thờ-thần, yến tiệc gì cũng đặt ngay ở trước chỗ thần-minh, cái gì cũng để cho ý thần muốn thế. Muốn xói cho trắng thịt cho béo cũng nói là lại thờ, muốn ca xướng cho vui cũng nói là để hát thờ « nhà Thánh ». Đến lúc cúng nhau âm nhảm, trước thần-minh đèn hương rừng rậm, lấy chực lược phẫn ngôi thứ, so nhau lừng ti, kể 11 tuổi có chút danh phận Cai-linh, Trương-luân, cũng lớn hơn người già chân trắng. Kể dự tiệc, trên sự oai thần, dưới sự quyền thế đàn anh, ngồi yến trăm-trăm không dám he. Lại lễ do rợn lướt, ăn một miếng nợ một đời vong gia bại sản để gởi nợ miếng vì đó. Nên người biết nghĩ, ngồi trong chỗ hương âm như ngồi trong chỗ trống-gai vậy. Ấy việc hợp-hoan của làng giữa vào thần-quyền và chính quyền mà thành tệ hại là thế.

Khách nghe đến đây lại gạt gù nói :

— Phải, phải, Tiên-sinh thật là giơ cao đèn tuệ cho tôi, trông rõ thiếu ba chỗ sai lầm tệ hại của cỗ nhân ta để lại ở trong cái đình làng. Vậy bây giờ nên cải cách chỗ bực việc ấy thế nào ?

Chủ — Đã biết giáo-hóa, chính-trị và hợp-hoan là ba

cải tất phải có của xã-hội quần-chúng, nhưng chỉ vì đem hõn-hợp làm một nên thành ra lệ-hạ đó thôi. Bây giờ muốn cho ba việc đều có thực lợi cho xã-hội thì phải dùng i ra cho việc nào cũng được độc lập theo tình-cách và phạm vi của việc ấy.

Khách — Việc sự thần nên cải cách thế nào ?

Chủ — Trước hết phải nhận cái nghĩa thờ thần là việc sùng đức báo công, tức là sùng báo những công-dee có mật thiết với nhân-sinh, với quốc gia, với xã-hội đó mà thôi. Bằng tưởng rằng thần cũng ăn uống như người, lại hay yêu sách điều nọ điều kia. Và vì đó đó mà lúc oai lực phúc thì thực là vu cho thần.

Cho được tôn nghiêm phải thờ thần biệt tịch ở một miếu đền mà không nên bàn việc làng hay ngồi ăn uống ở đó. Phải theo nghĩa bình đẳng mà công khai cửa miếu cho nhân-dân nam nữ đều được bình đẳng vào lễ bái, chiêm ngưỡng quanh năm. Chính cớ lệ các làng đều thờ thần tại miếu mà hương âm thì lại linh, nay ta nên khai phục lại điều lệ ấy. Như thế sự thờ thần không bị hương chính, hương âm lợi dụng, vừa cao thượng, vừa không sai mất cái nghĩa giáo hóa của xã hội

Khách — Việc hương chính nên lập lại thế nào ?

Chủ — Cơ quan hương-chính đã có điều lệ mới cải lương của Nhà-nước còn cần phải có nơi hội-sở để làm việc, tức là nhà Hội-đồng hương chính đó. Phải có tòa ngồi họp hội đồng, có bàn giấy, có ước khoán sổ sách minh bạch và phải theo đúng điều lệ, ước khoán mà làm việc. Hội bàn và thi hành mệnh lệnh của làng chỉ tòa Hội-đồng Hương-chính có quyền và chỉ ở nhà Hội đồng ấy mà thôi. Như thế hương chính không bị thần quyền và hương âm ngấm trở, thực hành được quyền hạn của mình, giữ được mực công bình, làm được nhiều việc công ích cho xã-hội.

Khách — Còn việc hợp-hoan của làng thì nên

dân làng nhẹ đóng góp, có phải không?

Chủ — Không, sao lại bỏ việc hợp hoan của công dân chính là việc lễ nghĩa, việc văn hóa đó. Cho nên việc hợp hoan của làng không những không nên bỏ mà lại nên quanh năm có nhiều tiệc hợp hoan công dân ấy. Người ta làm ăn vất vả quanh năm, nếu không có đôi lúc hợp quần hành lạc để xả tâm hồn, thú tình tình thì sống sao nổi. Gõ nhân đặt ra những cuộc đình đám, yến ẩm ở các làng vì cơ đó. Chỉ tại ngày xưa đem sự thờ thần, sự chính quyền thế-vị gài nhập vào hương ẩm khiến cho sự hợp hoan thành ra bắt buộc, mất cả tự do mà sinh tai hại đó thôi. Cuộc hợp hoan ngày xưa đã bị thần quyền thế-vị bắt buộc ừ chẽ, lại bởi cái tục luân thứ xưa lẽ. Người thì lúc có của chữa đến vai, khi của hết vai vừa đến. Người thì vốn phận nghèo khổ, chót ăn vào những bữa tiệc luân thứ của kẻ nhà giàu đưa nhau gợn rất long trọng thành chịu khổn khổ chung thân dành dụm để giả cái nợ miệng ấy không xong. Ấy người làng bị giam hãm trong cái bẫy khâu trái xưa nay là do ở đó. Nay nên bỏ cái lệ luân thứ xưa lẽ đi mà dùng lối đóng tiền tay. Theo nghĩa bình đẳng của Phật, cho trẻ giả, trai gái đều được dự. Tiệc to nhỏ tùy sức kinh tế trong làng, ai thích chơi thì góp ai không thích hoặc không có tiền thì thôi. Khi ăn cho tự kén lấy người thân mà ngồi với nhau, đừng phân chia đẳng hạng người bằng những cái nhân trước nhỏ nhen. Như thế trong chỗ hợp hoan không bị thần quyền giám đốc quyền vị ừ chẽ, không bị cái nợ miệng nó lừa dụ, bó buộc, người ta mới được tự do giao hoan cho mãn hứng. Người Thái táy, người thành phố, nào cao lâu, nào ó ten, nào vũ đài hí viên, cuộc vui quanh năm, tức cũng là cách đình đám của các làng đó, mà đình đám của họ xuất quanh năm. Nhưng họ không bị bó buộc về sự gì, tùy ý lúc nào muốn dự thì đủ, nên họ có ai kêu ca rằng bị khổ sở vì áp bức vì nợ miệng bao giờ đâu. Tình tình của người dân

bên Thái-lây và ở các thành thị họ được khoai hoạt thú xướng sion người dân ở các làng nhà quê ta nhiều lắm, cũng là vì họ được hưởng những cuộc đình đám công khai và tự do ấy.

Khách — Ba việc giáo hóa, chính trị và hợp hoan của làng vì tam hợp thành ra tam tại, mà đem phân ra thì thành tam ích như Tiên sinh đã nói trên ấy, tôi đã hiểu rồi. Còn như tục xói thịt tế thần xong cho dân thừa huệ, thực là nhất cử lưỡng tiện há không nên dử lại lệ đó dư?

Chủ — Ấy chỉ vì sự thừa huệ tế thần mà thành cái lệ đồ tiếng cho thần-mạnh để thỏ khẩu phúc. Phải biết cái tục giết con sinh để tế Trời Đất thần minh là cái tục của đời già man, các nước văn minh trên thế giới bỏ tục ấy đã lâu đời rồi. Đem thịt xói tế thần mình thực là trái với linh thần cao thượng của sự tôn thờ, đạo Phật vì lòng nhân từ mà kiêng sát sinh, đạo Nho cũng nói « Nghe tiếng con vật nó kêu không nỡ ăn thịt nó ». Nay giết con trâu, con lợn đem cái thì thề toàn-tính của nó, sanh tử hỏi hám lên tế thần, thì hỏi con mắt người thường coi còn chả đang tâm, nữa là thần minh nào còn nỡ hưởng thụ. Vấy tế thần chỉ nên dùng hương hoa, trái phẩm mà không nên dùng con vật nguyên sinh cùng cỗ bàn xói thịt. Còn như dân muốn ăn uống gì thì làm riêng ra mà ăn không nên mượn cơ là vì tế thần.

(còn nữa)

Quảng-tràng-Thiệt Cư sĩ

TAM-BẢO VÀ TAM-QUY

Bài giảng ngày 22 năm Mậu-dần ở chùa Đông Thuần chi hội Phật giáo tỉnh Hải dương Do cụ Tuấn, Trần-văn Đại tổ chức dân quy có tới hai trăm hội viên thụ Tam-Quy, cụ Tổ chùa Muống chủ đàn

Có người hỏi: Phật đã nói pháp của Phật với pháp thế gian là một, thì cứ theo pháp của thế gian mà sửa lòng nuôi tính, cũng là y theo pháp của Phật rồi, sao Phật còn

đây phải quy y Tam Bảo ? Đáp : Phật nói pháp của Phật cũng là pháp thế gian, là chỉ vào cái đạo lý đại thể, người đã được hoàn toàn nhân đạo ; mà Phật còn bảo phải sùng thượng Tam Bảo, thu trì Tam-Quy, là nói cái đạo-lý diệu dụng. Có thể thì phải có dụng ; thế thì chỉ có một đạo lý, đem đạo lý ấy ra mà diệu dụng, thì có tới tám muôn bốn nghìn pháp môn, ai tu được pháp môn nào là dứt trừ được nghiệp trướng ấy, và về tròn được công quả ấy, thế với dụng là hai bánh xe để cho ta đi lên con đường có đủ cả phương pháp thế gian và xuất thế-gian. Muốn cho mọi người đều hiểu cái lẽ đã tu được pháp thế-gian mà lại phải quy y Tam-bảo, xin đem một chuyện hàng cơm, để thí dụ, kể trong thiện hạ có ức triệu hàng cơm, hàng nào cũng chỉ gọi là hàng cơm, chứ không gọi là hàng gì được nữa, đấy là nói Phật pháp với thế gian pháp là một đại thể.

Nếu phải là một quý khách lịch duyệt quan sát, ai cũng công nhận có hai hạng hàng cơm.

Một hạ-g ở chốn thôn quê, không đủ của ngon vật lạ cho quý khách ăn dùng, không có lầu cao gác rộng cho quý khách nghỉ ngơi, về sự ăn nghỉ đã không được nư-ý, mà lại còn để cho khách thâu đêm dằn dặt phấp phùng về nỗi đề phò g kẻ gian phi phường trộm cướp nữa ; giá như khách xa lạ không quen đường thuộc lối, sáng mai trở dậy ra đi, người chủ hàng cũng không đưa đường dẫn lối được, thì người khách xa lạ kia tránh sao cho khỏi lầm lạc vào đường hiểm trở, nhờ ra gặp phải hùm beo giặc cướp hại đến tính mạng và tài sản, nguy hiểm cho người vô võ tha hương khách địa kia biết nhường nào ?!

Hai là hàng cơm ở nơi thành thị, của ngon vật lạ có, đài cao gác rộng sẵn hết thầy thợ gì cũng được như ý cho quý khách ăn dùng nghỉ ngơi, mà lại không phải đề phòng phượng giặc giảo trộm cướp ; sáng ngày ra đi đã có ông chủ hàng đưa đường dẫn lối, không phải nhầm lạc vào đường hiểm trở có hùm beo trộm cướp mà lại được đi vào con đường có làng xóm đông đúc, có sơn thủy hữu tình,

khách được chủ đưa thuận đường thuận lối đến cửa đền nhà được hoàn toàn cả tính mệnh và tài sản.

Hàng cơm trên là nói pháp thế gian không đủ bảo hộ cho cuộc sống được, khỏi hẳn phiền-não khổ sở, cuộc chết dứt hẳn luân hồi nghiệp báo. Hàng cơm thứ hai là nói Phật pháp có đủ phương pháp giáo hóa cho người quy y lúc sống khổ: khổ não về cuộc sống, lúc chết khỏi nghiệp báo về cuộc chết. Sáng ngày ra đi là người ta sinh rồi phải tử. Chủ đưa khách đi đường thông đồng bén dợt là nói người quy y tam-bảo khi mạnh cùng số tận có tam-bảo tiếp dẫn cho về miền giải thoát tiêu giao.

Nay ta sùng thượng tam-bảo, thụ trì tam-quy là ta tìm được con đường rộng rãi thênh thang, đi lại được an ổn khoái lạc. Mà trong con đường ấy lại gặp gỡ được nhiều người thực hành sự nghiệp, từ-bi, bác ái, lân mẫn, đề huề, có đủ các pháp môn để giáo hóa cho ta cùng chúng sinh khỏi khổ về cuộc sống và cuộc chết.

Mặc dầu cho những kẻ bất tín kia, dung lược trống, gậy đàn trói dèm pha kích thích, phỉ báng thị phi, ta cứ tận tâm, kiệt lực, dưng mãnh tinh tiến mà đi, đề theo vào con đường tam-bảo, dù đi được cả hay được nửa, hề đi được bước nào là có công-đức, nhân duyên bước ấy, dù ta có hèn nhất yếu ớt chẳng nữa đã có thần lực của tam bảo tiếp dẫn cho được thêm phần vãng vàng mạnh mẽ. Ta dám quyết rằng: Tam-bảo thương nhớ ta cũng như mẹ thương con, ta nên nhớ tam-bảo cũng như con nhớ mẹ, mẹ thương con, con nhớ mẹ, chẳng khi nào mẹ con xa cách; tam-bảo thương chúng sinh chúng sinh quy y tam-bảo, chắc rằng tam-bảo độ chúng sinh. Mà chẳng những một mình ta sùng thượng quy y tam-bảo mà thôi, người trong thiên hạ cổ kim đến nay, tôn vinh phú quý, ai bằng đẽ-xương khang tướng, hoàng-hậu, cung-phủ, phủ ông, trưởng-giả, mà cũng phải hạ mình tôn quý mà sùng thượng, nhưn mình giàu sang mà quy y. Nghĩa là các ngài sùng thượng đạo đức từ bi quảng đại, quy y giáo lý chân chính nhiệm-mầu. Nói cho đúng, thì sùng thượng quy y tam-bảo có ba

bậc : Một là bậc thượng lưu, đề tu tâm luyện tính, cho được toàn thiện toàn đức, mong duy trì lấy tinh thần mạnh mẽ cho thiên hạ quốc gia, làm tiêu biểu cho đạo lý đại đồng xã-hội, vun giồng xây đắp nền phong hóa lễ độ, cùng với non sông bất hủ. Khi đầy thuyền mận quả, thoát ly hẳn ba cõi luân-hồi, chứng vào quả thánh hiền tự tại

Bậc trung lưu : thì cần học giáo lý, tu đạo đức phá tà khí, hiền chân chính, trọng công nghĩa, khinh tư lợi, mở rộng đường tư tưởng chân chính, khơi sâu đường lễ độ phong hóa, chủ cần làm những việc giồng thiện nhân, cầu phúc quả, mong cho thoát khỏi luân hồi, kịp bậc thượng lưu.

Người hạ căn : thì trừ lòng tham lam, đổi tính bạo ác, sợ nhân quả, tin báo ứng, dữ trai giới, học giáo lý, tập tu công đức, tập kết thiện duyên, cầu mai sau cho khỏi sự trầm luân khổ hải, đọa lạc mê tam, đời đời được hưởng phúc duyên, thiện quả. Ta nên tin rằng : người có địa vị ở thiên hạ quốc gia, mà sùng phụng quy y tam-báo, là có công đức lợi ích cho thiên hạ quốc gia. Người có địa vị ở tổng mạc làng xóm, là có công đức ở tổng mạc làng xóm. Người có địa vị ở tôn tộc gia-đình là có công đức cho tôn tộc gia đình. Nên cổ nhân nói : một nhà tu được mười điều thiện, là một nhà khỏi sự luân phạt tù ngục ; một nước tu được mười điều thiện, là một nước khỏi sự hình phạt tù ngục cũng như sách nho nói : một nhà hăng hái làm nhân, thì một nước cũng hăng hái làm nhân : một nhà hăng hái làm nhượng, thì một nước cũng hăng hái làm nhượng. Than ôi ! người người có nên tu từ thiện không ? người người có nên tu nhân nhượng không ? Một nhà từ bi nhân-nhượng, là điểm hòa được một nước, một nước lại điểm hóa được cả thiên hạ. Nếu cả thiên-hạ đều quy y tam bảo mà thực hành cái đạo từ bi, bác ái, bình đẳng, tự do, thì người người đều là Phật cả, nước nước đều là cực-lạc cả. Ngày xưa đế vương khanh tướng, ngài nào cũng do cái hi vọng ấy, nên mới sùng

thượng quy y tam bảo, chứ các ngài tôn vinh phú quý đã thừa. còn sùng thượng quy làm gì mà chẳng như một đấng vương khanh tướng sùng thượng quy y mà thôi, cả đến thiên thánh thần tiên cũng sùng thượng quy y nữa, cao rộng lồng lộng, uy thiêng biển hách, đến như giới, mà vua đế-thích còn thụ tam quy ở đức Phật Thích-ca, mới khỏi đọa lạc ác báo, nên có câu rằng: thiên trung-tôn (天中尊) hiển thần thông đến như thánh thần, mà thần Nhạc-đế là thống lĩnh cả bách thần trong thiên hạ, còn thụ ngũ giới ở tổ Khue-phong thiên-sư, mới hiểu ngộ được đạo lý mẫu nhiệm, nên có câu rằng: thánh trung vương (聖中王). Thần thông quảng đại pháp thuật cao cường đến như tiên-nhân, mà ông Lã-dồng-Tâu còn phải thụ tam quy ở tổ Hoàng-Long thiên-sư, mới hiểu ngộ được trước kia tu đan luyện được cho lấm nhục thân trường sinh bất tử là nhảm. nên có câu rằng: tiên trung tiên (仙中仙). Nhà cổ nho đã có câu tán dương đức hóa của tam bảo rằng: thiên địa nhượng kỳ đại, nhật nguyệt nhượng kỳ minh; quý thần thất kỳ linh, vương công thất kỳ quý. (天地讓其大, 日月讓其明, 鬼神失其靈, 王公失其貴). Nỗ lực là đức hóa sinh thành của tam bảo, giới đất cũng còn nhường; trí tuệ linh vi của tam bảo, nhật nguyệt cũng còn nhường; thiêng liêng cảm hóa của tam bảo, quý thần cũng còn kém; tôn trọng quý báu của tam bảo, vương công cũng còn thua.

Như đức hóa của thiên địa thì chỉ sinh thành che chở cho lấm thân xương thịt của chúng sinh trong một cõi này; đạo lý của thiên địa thì chỉ điểm hóa chúng sinh ở một cõi thế gian phiêu nã ở trọ này; mà có cứu độ cho chúng sinh được về nơi thiên cung chi nữa cũng chỉ được hưởng hết phúc thiên cung là lại phải giáng sinh làm người, làm người nếu không biết tu thiện thì rui sau lại phải đọa lạc trầm luân ác báo. Cho nên kinh Phật có nói: «thà chịu tội ở địa-ngục, đến ngày hết tội lại được lên làm người; gặp gỡ ngôi tam-bảo để

tu tâm luyện tính, thoát khỏi luân hồi; còn hơn sinh lên thiên cung, hưởng hết phúc lại phải đọa lạc đời đời kiếp kiếp». xem thế đủ biết sinh lên thiên cung được hưởng hạnh phúc khoái lạc, chỉ như người gánh nặng đi đường trường, được nghỉ một độ lại phải gánh, chứ không được thảnh thơi như người không phải gánh nữa. Nên cổ kim nay các bậc tu hành không ai cầu sinh thiên cung là thế.

Đức hóa của tam bảo thì sinh thành che trở cả pháp thân tuệ mạnh của chúng sinh trong ba cõi, tất hẳn nghiệp báo luân hồi, nên mới có câu: « bình mônng thập giới, hà phụ vạn linh 憒憒十界, 荷負萬靈 », nghĩa là che trở cả mười cõi, chứa chất cả muôn thiêng.

Đức hóa sáng suốt của nhật nguyệt chỉ có thể soi xét thiện ác của chúng sinh trong một thế gian này, mà mặt trời chỉ soi được ban ngày, mặt trăng chỉ soi được ban đêm. Đến trí tuệ sáng suốt tinh vi của tam bảo, đã kiêm cả nhật nguyệt lại soi cả chúng sinh thiện ác trong ba cõi, định được nhân quả nghiệp duyên ức kiếp.

Thiên liêng của quý thần, chỉ bảo hộ được chúng sinh từng khu từng vực, dù đến bậc đại thánh thần cũng chỉ bảo hộ được chúng sinh một thế gian mà thôi. Thiên liêng của tam bảo, tế độ cả ba nghìn cõi chúng sinh, đều được thoát khỏi luân hồi về miền giải thoát.

Vương công chỉ có uy quyền ngự trị một nước, ngự trị nước nào thì nước ấy tôn trọng quý báu, còn đối với người nước ngoài thì không có giá trị gì mấy. Uy quyền cả tam bảo thì ngự trị cả ba nghìn cõi đại thiên thế giới, chúng sinh ở cõi nào cũng phải tôn trọng quý báu, nên mới có câu rằng: « tam giới đạo sư, tứ sinh tổ phụ ». Ôi đức hóa của tam bảo cao dày rộng lớn, sáng suốt thiêng liêng, thần thông hiển ứng, làm bày giáo hóa, tiếp dẫn

cho pháp thân tuệ mạnh trong ba cõi chúng sinh, làm cha hiền sinh thành che trở cho giới thân tuệ mạnh cả ba cõi chúng sinh, tôn trọng biết nhường nào, quý báu biết nhường nào ! Còn như sự quý báu ở đời thì không gì bằng danh bằng lợi, nếu đem tuệ tâm mà nghiên nghĩ, đem đạo nhữn mà xem xét, thì cái danh lợi nó bắt buộc mọi người phải đem thân tinh thần ra làm nô lệ cho cái thân hình骸 giả dối. Muốn cho mắt ta trông thấy những cảnh rục rở, những trò mỹ lệ, những cuộc tham tàn, những đường hiểm bách, mà tạo nên bao nhiêu tội nghiệp. Muốn cho tai ta được nghe những khúc hát du dương, nhờ tinh ủy mỹ, cùng là những tiếng bắt hiểu bắt nhân, bắt trình bắt nghĩa, tạo nên biết bao nhiêu tội nghiệp ; muốn cho miệng ta nói những lời dạn tà độc ác, siểm định chua cay, nói cho cốt nhục tương tàn, ân ái biệt ly, tạo nên biết bao nhiêu tội nghiệp ; muốn cho thân ta được rục rở bóng bẩy, dễ tỏ ra cái vẻ khinh nhân ngạo vật, tạo nên biết bao nhiêu tội nghiệp, muốn cho ý ta nhất nhất những thú vị vật dục cái gì cũng được như ý, tạo nên biết bao tội nghiệp.

Thương thay chúng sinh ! vì danh lợi giả dối mà mê muội mất chân tâm quý báu, ham mê những thú vui chói lạt, mà tạo nên biết bao nhiêu kiếp tội nghiệp.

Cho nên trong kinh Phật nói : « Chúng sinh mà mê thân thì thân là rừng tội ; chúng sinh mà mê tâm, thì tâm là nguồn ác ».

Nói trái lại thì ta không mê thân, mà tu thân, thì thân ta lại trở nên rừng phúc ; ta không mê tâm, mà biết tu tâm, thì tâm ta lại trở nên nguồn giác, xem thế thì đủ biết rừng phúc rừng tội, cũng ở cái thân ta ; bề giác, bề khổ cũng ở cái tâm ta ; nay ta muốn tu tâm, tu thân, nên ta mới phải sùng thượng quy y tam-bảo.

Tam-bảo là gì ?

Tam là ba, bảo là bản : một là ngôi Phật bảo, hai là ngôi pháp bảo, ba là ngôi tăng bảo. Nói tóm lại là ba ngôi quý báu tuyệt đối cả ba cõi không gì bằng

PHẬT

Đức Phật mà ta quy y đây, chính là đức Thích-ca Mâu-ni, ngài sinh ở miền trung-thiên-chức nước Ca-tì-la-vệ tức là một nước ở giữa bảy mươi sáu nước Ấn-độ. Phụ vương ngài là vua Tịnh-Phạn, hoàng hậu là Ma-gia. Ngài là bậc văn, võ toàn tài. thông minh xuất chúng, nếu không đi xuất gia, đã là bậc thế gian thánh nhân, tôn làm thiên-tử, giàu có bến bờ. Chỉ vì ngài muốn tìm phương pháp cứu khổ cho chúng sinh, nên phải rũ bỏ sự tôn vinh phú quý, trở vào núi tuyết tu hành giòng già sáu năm, chịu biết bao nhiêu sự đói rét khổ hạnh mới tu luyện được thành Phật. khi ngài đã thành Phật rồi, liền đi giáo hóa trọn bốn mươi chín năm, trải mười tám nước, đem những pháp đã chứng nghiệm ra mà dạy dỗ để cứu khổ cho chúng sinh, nên nay ta mới có pháp mà học mà tu.

PHÁP

Phật Thích-ca 49 năm giáo hóa bảy bậc đệ tử, bậc nào Phật cũng muốn uống thuốc pháp mẫu nhiệm, cho khỏi các chứng bệnh tâm, cũng như các ông thầy thuốc, trước phải xem mạch lạc, khi huyết hàn ôn, cho biết rõ bệnh tình biến trọng ra làm sao, rồi đáng trăm trích thì trăm trích, đáng thang tễ thì cho thuốc thang tễ; thuốc thì nhiều bài nhiều vị, mà ai uống bài nào cũng khỏi bệnh cả. Phật giáo hóa chúng sinh cũng vậy : ngài thuyết pháp linh 300 hội chỉ có một tiếng từ-bi, khoa tỉnh chúng sinh, những người Phật giáo hóa chép thành ba tạng : Kinh, Luật, Luận.

Kinh — là đề bày rãi đức tính, diệu tri và đạo pháp cơ duyên của chư Phật, chư Bồ-tát, chư hiền thánh tăng, cũng là bày rõ thiện ác của chúng sinh.

Luật — là để ngăn lỗi cấm ác, khiến cho chúng sinh dễ phòng nghiệp thân không làm sát đạo, tà dâm, vọng ngữ; dễ phòng nghiệp khẩu không nói dối, nói ác, nói lưỡi đôi chiều, nói dối đặt; dễ phòng nghiệp ý, không nghĩ tham lam dạn dữ mê muội. Ai giữ được ba nghiệp thanh tịnh thì đức tính tự nhiên thanh tịnh, ấy giới luật có công năng luyện đức cho các Phật tử nêu pháp tính chân thân như vậy.

Luận — là để giảng cho tinh tường, những nghĩa lý bí mật huyền vi của kinh luật, cho người Phật tử tu hành gặp việc biện lý, hiểu lý làm việc, mới biết lỗi mà tu quan, chiếu, chứng vào định tuệ xét được chân lý, phá được ngụy giáo, hiểu được chính đạo, hàng được tà sư, mới xưng mình được Phật giáo, cho lợi ích chúng sinh.

Ba tạng Kinh, luật, luận là pho tuệ mạnh pháp thân và bề công đức nhân duyên của chư Phật cùng chúng sinh. Chư Phật, Bồ-tát cũng lấy đây làm thầy mới thành được Phật và Bồ-tát, chúng sinh cũng phải lấy đây làm thầy mới qua được bể khổ về cõi siêu thăng, mà tuyên dương giáo lý khai hóa chúng sinh tất phải thờ tăng.

TĂNG

Nhiều người cứ gọi một vị sư là tăng, là nhàn, chính trong luật xưng là tăng-già-gia tấu dịch là hòa-hợp-chúng; là bốn vị sư trở lên cùng hòa hợp ở một chùa viện, có danh phận tôn ty, có đạo nghĩa thân mật, có quy mô tuồng hệ, có giới luật nghiêm trị đạo lý cùng nhau tu học, thực cùng nhau hưởng thụ dất dứu nhau, dạy bảo nhau cho nên một đoàn thể, có đức tính từ bi, có đạo hạnh thanh nhã thể mới phải là tăng, ngoài ra lại khuyến oban đồng tâm hiệp lực gánh lấy mệnh mạch của Phật pháp, mới khỏi phụ lời Phật tử phò chừc rằng: « Giáo pháp giữ ở tăng già ». 法輪 依 寄 在 僧 伽 .

Chư tăng đã làm đại biểu giáo lý trong Phật pháp, lại làm cở nền đạo đức cho tín đồ, mà Phật pháp được xưng

minh, chúng sinh được lợi ích là nhờ ở chư tăng. Chẳng những có công đức với tín đồ nhà Phật, lại có công đức giúp ích cho nhà chính trị, nhà giáo dục, nhà văn sử, mà lại là bậc nhân thiên sư phạm nữa. Đức trọng quý thân kinh, đạo cao long hổ phục, nên mới dự vào ngôi tam-bảo, tiếp hóa chúng sinh. Nên trong ba cõi bực nào cũng sùng thượng quy y.

TAM QUY

Một là quy y Phật, hai là quy y pháp, ba là quy y tăng.

Quy nghĩa là trở về, y là tuân theo, là nương tựa. Nay ta đã hiểu rõ pháp thế gian không đủ bảo hộ được hoàn toàn cuộc sống và cuộc chết, vậy ta phải trở về tuân theo giáo lý của đức Đại-giác để sửa lòng nuôi tính, đổi ác làm lành cho cuộc sống được an ổn, cuộc chết được giải thoát ; cũng như con chim khôn tìm nơi cây cối sầm uất mà đỗ nghỉ nương tựa, cho khỏi nạn cung tên dò lưới về sau.

Quy y Phật : tuân theo Phật. Phật là người đã tỉnh ngộ giải thoát mọi sự não phiền bỏ buộc chúng sinh ta còn đương mơ màng vơ vẩn trong cảnh trần ai ô nhiễm, phải chịu đủ trò nghiệp báo giàng buộc ; nếu không tuân theo Phật để tu thân luyện tính, thì cái thân ta sống này cũng không có giá trị gì, mà lại còn phải chịu nhiều cuộc chết khổ mai sau nữa, sở dĩ ta tuân theo Phật, là mong tỉnh ngộ cho thành đạo quả, chứ không phải ta tuân theo để cầu phúc, chỗ này xin quý ngài chú ý, ở đời giàu hay nghèo, sang hay hèn là do nghiệp nhân gây giống ở đời trước cả, giống nhân tốt thì được quả tốt, giống nhân xấu thì phải chịu quả xấu, ấy là luật nhân quả nhất định như vậy. Cứ nghe nhờ Phật dạy dạy thì đủ hiểu : « muốn biết nhân của mình giống đời trước ra sao, tự xem ngay quả hưởng thụ đời này thì hiểu ; muốn biết quả của mình hưởng thụ mai sau, nên xem ở việc mình làm đời nay thì hiểu ». Phật dạy rằng : « quy y Phật dĩ Phật vi tâm » (皈依佛以佛爲心) nghĩa là đã trở về tuân theo Phật, phải lấy tâm Phật làm tâm mình, tâm Phật do đầy đủ công đức và

đầy đủ trí tuệ mà thành Phật, ta cũng mong đầy đủ được như Phật, nếu ta tu được phúc tuệ hoàn toàn, là đời hiện tại này được dư hạnh phúc, đời mai sau giải thoát có thừa, vì vậy mà ta quy y Phật.

Quy y pháp : là tuân theo pháp : pháp là pháp của Phật dạy cho ta tu hành, tức là kinh, luật, luận có đủ phương pháp giáo hóa cho ta được minh tâm kiến tánh thành Phật. Phật dạy rằng : « Quy y pháp dĩ pháp vi sư » (皈依法以法爲師) nghĩa là tuân theo pháp lấy lấy làm thầy, ta xin thành tâm tuân theo kinh, luật, luận, theo như Phật dạy bảo mà tu hành cho phúc tuệ được lưỡng toàn, mình với người đều được lợi ích. Vậy ta phải cố gắng công phu tu hành sáu phép như sau này : 1. Phải hiếu thảo với ông bà cha mẹ, cứu giúp kẻ tật bệnh đói rách, và cúng dàng Phật, pháp, tăng, mình chớ làm dấy người chướng làm, ta thì tròn được đức há thí, mà người thì khỏi tội sên tham. 2. Giữ gìn trai giới cho trong sạch nghiêm kinh, mình làm dạy người làm, ta thì tròn được đức thanh tịnh, người thì khỏi can phạm về tội báo thế gian và mình đờ. 3. Tu nhân nhục không thù oán hận dữ ai, mình làm dạy người làm, ta thì tròn được đức nhân nhục, người thì khỏi tội oán kết hận dữ. 4. Tu tinh tiến, nếu tu tinh tiến, thì trăm kinh nghìn sách cũng tụng đọc thông, trăm công nghìn việc cũng làm được chu đáo, mình làm dạy người làm, ta thì tròn được đức tinh tiến, người khỏi tội lười biếng. Bốn điều ở trên là nói pháp động hành sự. Hai điều dưới này là nói pháp tĩnh tu tâm, giới đất có âm dương động tĩnh, thì muốn vật mỗi toại sinh thành, bốn thời mới có thứ tự. 5. Người ta có đủ công phu động hành sự, tĩnh tu tâm, thì sự nghiệp mới tiến hành, tâm tĩnh mới phát minh, thế thì một ngày ta cần phải có một vài giờ tĩnh tọa để tâm luyện tính, mới có thể thành đạo chứng chân được, mình làm dạy người làm, mình thì tròn được đức định tĩnh, người thì khỏi tội tán loạn điên đảo. 6. Tu trí tuệ ta do có công phu định tĩnh mà phát sinh trí tuệ, có trí tuệ mới đủ được vạn lý mới ứng được vạn sự.

minh tu luyện dạy người tu luyện, ta thì tròn được đức trí tuệ, mà người thì khỏi tội ngu si.

Chư Phật cũng lấy sáu phép ấy mà tu hành và dạy người tu hành, nên mới đủ được phúc tuệ thành Phật, ta cũng nên tìm thầy hỏi cho biết pháp mầu của Phật, để mình tu và dạy người. mong sao phúc tuệ cũng được đầy đủ như Phật, thì ta cũng là chúng sinh sắp thành Phật đấy.

Quy y tăng, tuân theo tăng tăng là đệ tử Phật xuất gia học đạo, có trai giới thanh bạch, có đạo lý chân chính đáng làm tiêu biểu đạo đức cho ta theo, Phật dạy rằng; « Quy y tăng dĩ tăng vi mạnh » (皈依僧以僧爲命) nghĩa là tuân theo tăng, thờ tăng là đại mạnh Phật tử, đem giáo pháp dạy bảo cho ta, nên ta mới biết phương pháp mà tu hành. Vậy chư tăng là đoàn thể đưa đường dẫn lối cho ta cùng chúng sinh, chuyên thảo tội ra thân phúc chuyển tâm mê ra tâm giác, thì dù chư tăng giáo hóa cho ta, hay giáo hóa cho người khác, cũng là có công đức giáo hóa chung cho anh em chị em Phật tử chúng ta, vị nào có giới hạnh đạo đức ta cũng nên cung kính cúng dàng như một.

KẾT LUẬN

Trên đã nói trời đất thánh thần cũng không đủ đạo đức thần thông hóa độ cho ta cùng ba cõi chúng sinh tất hẳn nghiệp báo luân hồi nên các ngài còn phải quy tam bảo. Mà ta đã suy xét kỹ càng, chỉ đức hóa thần thông của tam bảo mới tế độ cho ta được chu toàn cả cuộc sống và cuộc chết, thì những khi hoạn nạn tật bệnh chỉ nhất thiết nhất thành cầu cứu tam bảo, chứ không nên bói toán ma quỷ, sát hại sinh linh, mà cầu đảo vãn vợ mê tín, đấy là chính nhờ Phật dạy, nếu không tuân theo nhờ Phật, làm mất lòng chân tín, lòng chân tín chính là vị chủ nhân để làm công đức cho ta, lại là cái kho tàng để chứa

công đức cho ta, nếu giữ được lòng chân tín vững vàng thì hững xa công đức cũng đầy đủ, nếu bỏ mất lòng chân tín thì công đức không còn chứa vào đâu được nữa ! Thi dụ cũng như cái bèo rương còn lênh, thì đựng vật gì cũng được, nếu để mục nát thì trăm thứ đều không đựng được gì cả. Xin quý ngài ai đã sùng thượng quý y tam-bảo nên nghĩ cho kỹ, xét cho sâu, mà theo cho đúng, làm cho rành, nếu còn nghi hoặc đều gì, nên học hỏi cho mình bạch, thì sự sùng thượng quý y mới được thực là ích, mà lòng chân tín mới vững vàng chắc chắn.

Sa-môn : Tổ Liên

KÍNH ĐẠT CÁC NGÀI ĐẠI BIỂU
HỘI PHẬT-GIÁO BẮC-KỲ

Thưa các Ngài,

Mồng 8 tháng tư sắp tới đây là ngày đản sinh đức Phật Thích-ca, cho được hợp lễ trong việc kỷ niệm ngài, thì hôm ấy xin hết thầy các chi hội ở các tỉnh, phủ, huyện nên đem lịch-sử ngài ra nói truyện đề thập-phương giáo hữu nghe, và khi hành lễ thì nên đọc bài « Tán đức Phật Thích-ca », cả hai bài này đã in trong kinh nhật tụng.

Ngoài ra nếu chi hội nào muốn làm thêm bài diễn, xin gửi bài về văn-phòng Trung-ương để chuyển giao sang ban khảo-cứu duyệt trước.

Ban Trị-sự hội Phật giáo Trung-ương
Kính đạt

GIẢNG KINH THẬP - THIÊN

(tiếp theo)

2. CÔNG ĐỨC CHỪA TRỘM CƯỚP

復次龍王！若離偷盜
phục thứ long vương ! nhược lý thâu đạo,
lại thứ rồng vua ! bằng lia trộm cướp,
lại nữa Long - vương ! nếu lia trộm cướp,
卽得十種可保信法。
tức đắc thập chủng khả bảo tín pháp,
bèn được mười giống khả giữ tin phép,
bèn được mười phép tin khả giữ được,
何等爲十？一資財盈
hà đẳng vi thập, ? nhất tư tài doanh
gì những làm mười ? một vốn của đầy
những gì là mười ? một tiền của chứa
積王賊水火及非愛
tích, vương tặc thủy hỏa cập phi ái
chứa, vua giặc nước lửa kịp chẳng phải yêu
đầy, vua giặc nước lửa và dứa con
子, 不能散滅；二多人
tử, bất năng tán diệt ; nhị đa nhân
con chẳng hay tan diệt ; hai nhiều người
 phá gia, chẳng hay tiêu tan ; hai nhiều người
愛念；三人不欺負；四
ái niệm ; tam nhân bất khi phụ ; tứ
yêu nghĩ ; ba người chẳng lừa phụ ; bốn
yêu nhớ ; ba người không lừa gạt ; bốn
十方讚美；五不憂損
thập phương tán mỹ ; ngũ bất ưu tổn
mười phương khen tốt ; năm chẳng lo bớt
mười phương khen ngợi ; năm chẳng lo tổn

害；六 善 各 流 布；七 處
hại ; lục thiện danh lưu bố ; thất sù
 hại ; sáu tốt tiếng trời khắp ; bảy ở
 hại ; sáu tiếng tốt truyền xa ; bảy ở
 眾 無 畏；八 財 命 色 乃
chúng vô úy ; bát tài mệnh sắc nãi
 chúng không sợ ; tám của mệnh sắc sức,
 chúng không sợ ; tám của mạng sắc sức,
 安 樂 辯 才 具 足 無 缺；
an lạc biện tài, cụ túc vô khuyết ;
 yên vui biện tài, đủ đủ không thiếu ;
 yên vui tài đảm, đầy đủ không thiếu ;
 九 常 懷 施 意；十 命 終
cửu thường hoài thí ý ; thập mệnh chung
 chín thường mang ra ý ; mười mạng sau
 chín thường mang ý bố thí ; mười chết rồi được
 生 天 是 爲 十 若 能 迴
sinh thiên, thị vi thập. Nhược năng hồi
 sống trời ấy làm mười. Bằng hay quanh
 sinh lên trời, ấy là mười. Nếu hay hồi
 向 阿 耨 多 羅 三 藐 三
hướng a lốc đa la tam rieu tam
 ngoảnh a lốc đa la tam rieu tam
 hướng cầu đạo chân chính tột bực
 菩 提 者，後 成 佛 時，得
bồ đề giả, hậu thành Phật thời, đắc
 bồ đề ấy, sau thành Phật lúc, được
 ấy, sau khi thành Phật, được chứng

證 清 淨 大 菩 提 智。
 chứng thanh tịnh đại bồ đề trí.
 chứng trong sạch lớn bồ đề trí.
 cõi bồ đề trí rất trong sạch rất lớn.

Lại nữa, Long vương này! Nếu chưa sự trộm cướp, tức thì được mười phép đủ tin cậy mãi. Những gì là mười? 1. Tiền của có dư, không bị vua quan, trộm cướp nước, lửa và con hư phá tán; 2. Được nhiều người yêu mến; 3. Không ai lừa gạt; 4. Mười phương khen ngợi; 5. Không lo sự tổn hại; 6. Tiếng lành đồn khắp mọi nơi; 7. Ở chỗ đông không sợ hãi chi; 8. Tiền tài, tinh mệnh, nhan sắc, sức lực, yên vui tài đảm, đều đầy đủ cả; 9. Thường có ý bố thí rộng rãi; 10. Khi chết được sinh lên trời, thế là mười. Nếu đem công đức ấy mà hồi hướng cầu đạo a lốc đa la tam niều tam bồ đề, thì sau khi thành Phật, sẽ được chứng quả phần thanh-tịnh đại bồ đề trí, (cái trí như Phật).

3 CÔNG ĐỨC CHỮA THỐI LÀM BẬY

復 次 龍 王！ 若 離 邪 行，
 phục thứ long vương ! nhược ly tà hành,
 lại lần rồng vua ! bằng lia cong làm,
 lại nữa long vương ! nếu lia thối làm bậy,
 卽 得 四 種 智 所 讚 法
 tức đắc tứ chủng trí sở tán pháp,
 liền được bốn giống khôn thừa khen phép,
 liền được bốn phép người khen khôn.
 何 等 爲 四 ? 一 諸 根 嗣
 hà đẳng vi tứ ? nhất chư căn diêu
 gì bực làm bốn ? một mọi để diêu
 những gì là bốn ? một mọi căn hòa
 順 ； 二 永 離 諍 掉 三 世
 thuận ; nhị vĩnh ly huyên diêu, tam thế
 thuận ; hai giải lia rằm rung, ba đời
 thuận ; hai xa hẳn sự rằm rí, ba đời

所 稱 歎. 四 妻 莫 能 侵
 sở xưng thán tở thê mạc năng sâm
 thừa khen than, bốn vợ chẳng hay sâm
 thừa khen lao, bốn chẳng ai dám trêu đến vợ
 是 爲 四, 若 能 迴 向 阿
 thị vi tứ nhược năng hồi hướng a
 ấy làm bốn nếu hay quanh ngoảnh a
 ấy là bốn, nếu hay hồi hướng
 耨 多 羅 三 藐 三 菩 提
 lốc đa la tam riều tam bồ đề
 lốc đa la tam riều tam bồ đề
 cầu đạo chân chính tốt bậc
 者, 後 成 佛 時, 得 丈 夫
 giả, hậu thành Phật thời đắc tướng phu
 ấy, sau nên Phật lúc được gây kẻ,
 ấy, sau khi thành Phật, được cái tướng chổ kín
 隱 密 藏 相.
 ần mật tàng tướng.
 dấu kín chứa tướng.
 dần ông cũng ần mật như Phật.

Lại nữa, Long vương này! Nếu chưa được cái thối làm bậy
 tức thì được bốn phép các bậc trí giả đều khen. Những gì là
 bốn? 1. Các căn như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều điều hòa,
 thoả thuận; 2. Đoạn hết những sự phiền não quấy rối; 3. Được
 đều khen ngợi; 4. Được vợ trinh khiết, không ai dám sâm
 phạm thê là bốn. Nếu đem công đức ấy mà hồi hướng cầu
 đạo a-lốc đa la tam riều tam bồ đề, sau này thành Phật, sẽ
 được cái tướng tướng phu ần-mật (ngọc hành thốt vào trong
 như ngựa, là một tướng quý trong 32 tướng của Phật) như Phật.

(còn nữa)

TÂY - VỰC KÝ

(tiếp theo)

Vua nước ấy tin trọng về Đại-thừa, thích nghe giảng kinh, mới cử ngài pháp sư và Tuệ-tính Pháp-sư sang ở một ngôi chùa Đại-thừa để thuyết pháp giảng kinh. Ở đây có một vị Tam tạng Pháp sư phái Đại thừa tên là Như-y-thánh (Mật nó nhĩ cù sa), một vị tên là Thánh-tào (Gát bá đa bộ tăng a lê già phật ma), một vị tên là Đức-biên (Di sa tặc bộ tăng câu na bạt da) đều là bực có tiếng ở xứ ấy cả, nhưng học không kiêm thông, Đại-thừa. Tiểu-thừa, mỗi phái riêng một môn, tuy cũng có tinh một lẽ, nhưng vẫn còn có chỗ thiên.

Chỉ có Pháp-sư biết cả các phái, tùy ai muốn hỏi môn nào, thì cứ kinh ấy mà đáp lại, cho nên ai cũng thiếp phục. Giảng vừa đúng năm ngày mới nghỉ, vua rất hoan hỉ, đem năm cây gấm ra tạ Pháp-sư. Các sư khác cũng tùy từng bực mà tặng.

Đến ngày tán hạ chùa Sa-lạc-ca Tuệ-tính pháp-sư, vì có lời vua Đê-hóa-la thỉnh về, nên cùng Pháp-sư cáo biệt.

Pháp-sư cũng bắt đầu đi về phía đông, hơn 600 dặm qua Hắc-lĩah, vào cõi Bắc Ấn-độc, tới nước Lam-ba. Nước ấy chu vi hơn ngàn dặm, có mười cái chùa, tăng đồ đều học Đại-thừa cả.

Lưu lại ba ngày, đi về phía Nam, đến một quả núi nhỏ, trên núi có một cái tháp, tức là chỗ xưa kia Phật ở phía Nam đi bộ xuống đây có đứng lại xem, cho nên người sau kính mến mà xây nên cái tháp ấy.

Từ đây trở đi, đều gọi là Miệt-lệ-xa, nghĩa là nơi xa xôi mọi rợ, kém phần tiến hóa (進化). Như-lai muốn giáo hóa, hằng đi lại ở trên không, không hề đi bộ, nếu có đi bộ thì đất liền rung động.

Từ đó đi về Nam, hơn 20 dặm, xuống núi sang sông, đến nước Na-yết-lê-hát.

Về phía Đông-Nam ngoài thành chừng hai dặm có một

cái tháp cao hơn 300 thước, do vua Vô-Uy xây lên. Đó là chỗ Đức Thích-Ca tu đến kiếp A-tăng-kỳ thứ hai, gặp Phật Nhiên-dăng ra chơi, ngài cởi áo lông hươu và xõa tóc phủ chỗ bùn lội để Phật Nhiên-dăng đi. Tuy đã trải qua hoại kiếp, mà dấu vết vẫn còn, tròn tròn thường rắc các thứ hoa xuống cùng dâng.

Pháp-sư đến đó làm lễ nhiều quanh, gần đây có một vị sư già kể rõ nhân duyên cái tháp ấy cho nghe. Pháp-sư hỏi rằng : « Lúc Bồ-tát xõa tóc giải áo, đã là kiếp A-tăng-kỳ thứ hai. Từ kiếp thứ hai, đến kiếp thứ ba, trong đó trải bao nhiêu kiếp, mỗi kiếp thế giới có nhiều phen thành hoại, như lúc bị hỏa tai, thì núi Tô-mê-lư còn cháy do đó, làm sao cái dấu vết này vẫn không việc gì ? » Sư già đáp : « Lúc thế giới hoại, tháp cũng hoại theo, lúc thế giới thành, tháp lại hiện nguyên chỗ cũ. Vả lại như núi Tô-mê-sơn hoại rồi, mà nay lại còn, thì thánh tích cũng thế, có hoại hẳn thế nào được ». Cũng là một lời đáp lý đoán cao lắm vậy.

Lại đi về phía Tây nam độ hơn 10 dặm, có một cái tháp, tức là chỗ Phật mua hoa cùng Phật Nhiên-dăng.

Lại đi về phía Đông-nam, qua sa-lĩnh hơn 10 dặm, đến thành Phật-dinh-cốt. Trong thành có nhà gác hai tầng. Tầng gác thứ hai, có một cái tháp nhỏ xây bằng thất-bảo, trong dễ bộ sương đầu đức Như-lai. Chu vi bộ sương 1 thước 2 tấc, tóc to mà lông lấm, màu vàng phớt, đựng trong một cái hòm bầu. Ai muốn biết tội phúc thế nào, cứ lấy hương tán nhỏ, nhào nước cho loãng như bùn, học trong niễng lụa sạch, lau lên trên bộ sương, tức thì có tướng hiện ra đoán định tốt xấu.

Pháp-sư theo cách làm liền thấy hiện ra cây Bồ-đề. Hai chú hều theo hầu chú lớn thấy tượng Phật, chú bé thấy hoa sen. Người Bà-la-môn coi sương vui vẻ hương vào Pháp-sư tán hoa nói rằng : « Cái tướng ngài đã được thấy, thực là hiếm có. Thế nào cũng được giữ phần Bồ-đề rồi ».

Lại có cái tháp dựng cả bộ xương toàn thân. Xương bình như lá sen. Lại có mắt Phật, con người to như trái mít con, sáng quắc hơn bó đuốc. Ngoài hòm lại có tấm áo Tăng-già-chi của Phật, may bằng vải nhỏ. Lại có cái gậy Tam-sích của Phật, vòng đúc bằng sắt trắng, cán bằng gỗ chiền-đàn, Pháp-sư lễ bái khắp cả và hết lòng cảm kích kính mến. Lại cúng 50 đồng tiền vàng, 1000 tiền bạc, 4 lá phan lụa, 2 lá phan gấm, 2 bộ pháp phục, rồi tán hoa lễ tạ đi ra.

Lại nghe về phía Tây-nam cách thành Đãng-quang hơn 20 dặm, có cái hang của Cù-ba-la Long-vương ở. Khi xưa đức Thích-ca đến hàng phục con long ấy, có lưu ảnh ngài ở trong ấy.

Pháp-sư muốn đến đó lễ bái, nhưng vì đường sá xa xôi hiểm hóc, lại lắm trộm cướp, 2, 3 năm nay, nhiều người đi không được. Vì thế nên ít người đi. Sư giả nước Ca-lất-thí cũng sợ không muốn đi, nên khuyên Pháp-sư trở lại. Pháp-sư nói: « Ảnh chân thân của đức Như-lai, ước kiếp khó được gặp, có lẽ nào đã đi đến đây mà lại không đến tận nơi mà chiêm bái. Các ngài hãy tạm chờ ở đây, để cho bản-tăng đi một mình, lễ xong sẽ trở lại ».

Bấy giờ Pháp-sư một mình ra đi. Đến thành Đãng-quang vào một ngôi chùa, hỏi thăm đường sá và tìm người đưa đường. Nhưng không có một kẻ nào bằng lòng đưa đi cả. Sau có một chú bé con nói rằng: chại của thầy chú cũng ở gần miền ấy, nhân tiện về thăm thầy xin cùng đi với. Pháp-sư liền cùng chú bé đi. Đến chại, gặp một ông già, hỏi rõ xứ sở, rồi lại ra đi. Đi được vài ba dặm, bỗng thấy 5 tên kẻ cướp tuốt dao nhảy sỏ ra Pháp-sư liền cất mũ, lộ pháp-phục cho chúng coi. Lũ kẻ cướp nói :

— Nhà chùa muốn đi đâu ? Pháp-sư nói :

— Bản tăng muốn đến lễ ảnh Phật.

— Nhà chùa không biết ở đây có lắm giặc cướp à ?
 — Giặc cướp cũng là người, nay bần tăng vì muốn lễ Phật mà lại đây, dù cho rắn độc thú dữ đầy đường cũng còn không sợ, huống chi các ngài là người can chi mà sợ. Lữ cướp nghe nói cảm phục, liền phát tâm xin đưa Pháp-sư đi lễ.

Khi đến hang, trông thấy cái hang ở về khe núi mé đông, nhào vào trong sâu thăm thẳm, chẳng thấy gì cả. Một tên cướp già nói : « Thầy cứ đi thẳng vào, độ 50 thước, cứ trông thẳng về phía Đông sẽ thấy ảnh Phật ».

Pháp-sư nghe nói, cất bước đi vào, quả có một phiến đá dựng đứng như bức tường, mới chỉ thành lễ hơn trăm lễ, không thấy gì cả, đem lòng tự trách, nghiệp chướng nặng nề, thương cảm ảo não, nước mắt đầm đìa. Bỗng rốc lòng tụng kinh « Thập-mạn » và đọc những bài kệ tán Phật. Vừa tán vừa lễ, chừng hơn 100 lễ, thấy trên vách núi hiện một bóng sáng bằng cái bát, loè ra một cái lại tắt ngay.

Pháp-sư vừa mừng vừa cảm, lại càng chí thành lễ bái. Lại thấy hào quang hiện ra tắt đi luôn luôn, càng thêm tăng tiến lòng thành, thề rằng không thấy chân ảnh Thế-tôn, quyết không rời chốn này.

Lễ chừng 200 lễ nữa, bỗng thấy trong hang sáng lóa cả mắt. Kể thấy ảnh đức Như-lai hiện rõ trên vách như vạch đám mây mù. Nhạc thấy tiếng vàng màu nhiệm, thuần sắc vui hòa, anh tư rực rỡ, ngựa xem chân tưng bừng rõ không biết nói làm sao xiết. Thân Phật và áo cà sa đều vàng chói. Từ đầu gối trở lên, trông rất rõ ràng. Từ tòa sen trở xuống, thì hơi tối tối. Hai bên tả hữu và sau lưng ngài có đủ các vị Bồ-tát, thánh tăng.

Pháp-sư được chiêm ngưỡng rồi, mới ra cửa hang bảo 5 người kẻ cướp vào, đánh lửa đốt hương, lửa vừa loè ra, thì ảnh Phật lại biến đi mất, vội vàng bái tất lửa và thỉnh lại, mới lại thấy hiện ra.

(còn nữa)

VIỆT-NAM THIỀN-TÔNG THẾ-HỆ

(tiếp theo)

(Phái Tì ni đa lưu chi)

Đời thứ năm — Có một người (Khuyết lục)

Đời thứ sáu. — Có một người (Khuyết lục)

Đời thứ bảy. — Có một người (Khuyết lục)

Đời thứ tám — Có ba người (Khuyết lục mất vài người)

Định-Không 定空 Thiền sư

Định-không Thiền-sư trụ trì ở chùa Thiền chúng, là ông Dịch-bàng, phả Thiền-đức Người, quê tại làng Cổ-pháp, nhà họ Nguyễn là họ hào-trưởng lâu đời ở làng ấy. Thiền sư học rộng thâm hiểu thuyết vận số ở đời, nhất ú nhất động, đều đáng làm khuôn phép cho người ta, nên trong làng đều tôn-kính, gọi là vị trưởng lão

Khi Thiền sư tuổi đã về già nhân được nghe thuyết-pháp ở hội Nam-dương. Lòng tuy liền liền hiểu nghĩa đạo mà xin qui Phật. Trong niên hiệu Trinh - nguyên nhà Đường. Thiền-sư đứng ra dựng nên ngôi chùa Qiyah làm cho làng. Lúc đào đất đắp nền, bắt được một cái thìa sứ hương trầm vào đất và mười cái mảnh Thế - sư sai người đem xuống nước rửa thì một cái mảnh bằng xuống nước đến mặt đất thì thôi. Thiền-sư cho đó là một cái điềm hay bèn lấy chữ nho mà tán ra rằng: Mười chiếc mảnh tức là 十口 (khinh tạc khẩu) 十口 tức là chữ 古 (cổ), một chiếc khinh tạc xuống nước đi tức là 水去 (thủy khứ), chữ 水 đứng làm bộ chữ thì viết 予, vậy 水去 tức là chữ 法 (pháp). Còn đất đào tức là 本土 (bản thổ) 本土 là làng của ta. Nguyên làng đang làm chùa đó là làng của Người và trước gọi là làng Duyên uẩn 延蘊. Người bèn đổi tên gọi là làng Cổ pháp. 古法. Thiền sư bèn làm bài tụng rằng:

地呈法器 一品精製

Địa trình pháp khí, nhất phẩm tinh chế.

置佛法之興隆，立鄉名之古法。

Trí Phát-pháp c' i' ững-long, lập hương danh
chỉ cồ pháp.

Dịch :

« Đất dặng pháp-khi thuận chất tinh đồng. Làng
thành tên là Cồ-pháp, đạo từ đây càng hưng-long. »

Sau, khi Thiền-sư sắp tịch. Người bảo cho đệ-tử là
Thiền thông rằng :

« - Ta muốn cho làng ta ngày càng hưng-thịnh, nhưng
sau đây, làng ta tất bị một phen tai họa vì có người
ngoài đến làm hại cho kiều đất của làng ta. Vậy ta rút
rồi, ông phải giữ lấy đạo pháp của ta cho khéo, gặp được
người thì sẽ truyền. Thế là ta mầu nguyện ».

Nói xong Người từ biệt mọi người mà hóa. Thọ 79
tuổi, bấy giờ là niên-hiệu Nguyên-hòa thứ ba bình-tị đời
Đường, ông Thiền-thông xây tháp ở chùa Lạc-tử thờ
Định-không Thiền-sư và ghi cả lời di-trú của Người
lại. Sau quả có Cao-Biền đó-hộ sứ nhà Đường đến thăm
bùa ở làng ấy để chấn long mạch Lại về sau nữa,
nhà họ Lý là người làng Cồ pháp khởi lên làm vua
nước ta, thì đời càng tin là lời Thiền-sư linh-nghịem.

Nhưng đó là Thiền-sư học về phái Lý-số, chứ không
phải chính-pháp của Thiền-gia.

(còn nữa)

D. N. T.

BÀI CHÚC TỪ CỦA ÔNG NGUYỄN-BÁ-NHIỆP

Quản-lý chi hội Phật-giáo tỉnh bộ Sơn-tây

..... Nhớ xưa Phật-giáo đối với Nho-giáo Lão-giáo là
một tôn-giáo to nhất ở trong tam-giáo về Đông-phương.

Cứ trong Bắc-sử chép thì Phật-giáo phát nguyên từ nước
Ca-ti-la về tiếng Tàu gọi là Trung Thiêa-Chúc, về đời vua
Chu Chiêu-vương.

Sau khi Phật diệt độ được 1080 năm thì Phật-giáo truyền đến nước Tàu vào hồi niên hiệu Vĩnh Bình đời vua Hán-minh-đế. Vua sai quan Thị-lang là Sái-am sang phương tây cầu được 42 trường kinh, và đón được hai vị Phạm-tăng là cụ Ma-đăng chúc pháp lan, cùng cụ Cưu-ma-la-thập, về dịch tiếng Thiên-chúc ra tiếng Trung-hoa ở cung Bạch-mã. Đến đời Đông-tấn có đức Đạt-ma Tỳ-ni-giả từ Thiên-chúc sang Tàu truyền đạo Thiên-tông.

Đến năm Nhâm ngọ theo tây lịch là năm thứ 574 có cụ Tỳ-ni đa-lưu-chi sang truyền đạo Phật cho ta ở chùa Hành-đạo tức là chùa Giàu ở tỉnh Bắc-cình bấy giờ, đó là cụ thủy tổ truyền thiên học cho nước ta vậy. Cách đó hơn hai trăm năm, vào hồi niên hiệu Nguyên-hòa đời Đường, theo tây lịch năm thứ 806, lại có cụ Vô-ngôn-Thông sang truyền đạo thiên ở chùa Kiến-sơ làng Phù-đồng tỉnh Bắc-cình, hồi ấy nước ta còn đang ở vào cái thời kỳ Bắc-thuộc, nhưng thịnh hành nhất thì về triều nhà Lý, vì nhà Lý khởi lên tự nhà chùa, vốn sùng đạo Phật cho nên không những sửa sang chùa chiền, đài tháp khắp mọi nơi, nào là tô tượng đức chuông cúng Phật độ tăng, mà phát huy đạo Phật đại thặng làm lợi ích cho hiện thế, tán trợ cho triều chính biết bao. Đó là một thời kỳ Phật-giáo đại thịnh hành ở nước ta vậy.

Kíp đến đời Hậu lê về sau, đời nhiều cuộc biến loạn, đạo Phật ngày càng mờ tối, phẩm giá chu tưng ngày một kém đi, lòng tin ngưỡng của mọi người ngày một phai nhạt, cho nên đầu Phật-giáo là một tôn giáo từ bi cứu thế, có ích cho thế đạo nhân tâm mặc dầu mà thành ra một tôn-giáo lãnh đạm.

Ngờ đâu đạo Phật ở xứ ta ngày nay lại có một thời kỳ phục hưng, khắp cả ba kỳ đều rung chuông tống trống mà hoan hô cổ vũ, thật là một hiện trạng đặc biệt đáng làm cho hàng-thức giả quan tâm, vì vậy cho nên tỉnh Sơn-tây chúng tôi đây mới có ba năm trời mà đã lập được năm chi hội, chắc chẳng bao lâu nữa thì toàn hạt Sơn-tây chúng

tôi, cồn nước sông Lô, làn gió núi Tản, lòa cùng với khúc pháp âm của Phật-giáo, rồi những roi hàng cùng nõ hêm, đều được chung cái ảnh hưởng từ bị bác ái của Phật giáo, phúc đức biết nhường nào !

Tôi lại xin có lời thưa với liệt vị giáo hữu quý chi hội Bảo-lộc đây, các ngài đã tự xét biết rằng, Phật pháp lập ra cốt để chỉ dẫn cho mọi người cùng được yên vui sáng suốt, cho nên mới lo tổ chức nên chi hội này.

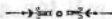
Quý hóa thay ! tấm lòng nhiệt thành của liệt vị. Liệt vị đã không ngại tốn kém, không ngại mỏi mệt, mà cùng nhau vun gốc bồi đắp, đến hôm nay đã được chút vẻ vang như thế này, thực là đáng mừng đáng kính.

Tôi lại rất mong rằng chi hội Bảo lộc đây, mỗi ngày mỗi thịnh, tin đồn Phật giáo càng ngày càng đông, mỗi một ngày rằm, cùng nhau đến lễ Phật nghe giảng, để mỗi ngày kia ai nấy đều hiểu thấu cái tòa chỉ cứu thế của Phật giáo, để linh hồn mê, tan mộng tục, tức là có bổ ích cho sự luân lý, cho sự giáo dục, để đối với trong gia đình ngoài xã hội, đều được hoàn toàn thiện mỹ, thế là cái hiệu quả chấn hưng Phật giáo đã thành tựu đó.

Nguyễn bá-Nghiệp

CÔNG-ĐỨC HỘI PHẬT-GIÁO THUY-ANH

đối với Chư Tăng học trường Trung-ương



Nhân kỷ Hội đồng làm chùa hội-quán Trung-ương, vào ngày mùng mười tháng chín năm Mậu-dân (1937) có nghị làm mười vị Đại-biểu về Hội-dồng, bàn xong việc làm chùa, thời cụ Tổ Trung - Hậu là trưởng ban tài chính Thuyền-học, đem việc mở thêm các trường Thuyền-học ra bàn. Trước tòa Tam-bảo, dị khẩu đồng âm của liệt quý Đại-biểu nói : Việc làm chùa hội-quán thì chúng tôi

chỉ lo chung có nhất thời, đến việc mở trường đề Tăng Nỳ học, thời chúng tôi phải lo chung đến vạn đại. Vậy xin Trung-ương cử việc mở trường các trường Thuyền học đề sau này có nhiều vị Tăng Nỳ thông kinh đạt đạo về truyền bá, giáo tập ở các hội Phật-giáo địa-phương, bây giờ mới đạt được cái mục-dịch chấn hưng Phật-giáo, còn về số tiền cung cấp chư Tăng Nỳ học tập, chúng tôi xin về thương thuyết với Hội-đồng bản chi, đề khuyến tập mỗi vị Thiện tín hội-viên mỗi năm là năm xu (0p 05) sung vào quỹ Thuyền-học bảo-trợ mong rằng giúp với Trung-ương một vài phần. Tiếp đến ngày 13 tháng một quan Lê-h-Doãn, Vũ-như-Trác trị nhậm Thụy-anh, ngài thân hành lên thương thuyết với cụ Chánh-hội-trưởng Nguyễn-tướng-Công đề cử một vị Tăng trong ban diễn-giảng; về cùng ngài đi diễn giảng khắp các tông, các làng trong huyện hạt. Cụ Lớn Chánh-hội cũng tham cảm lắm lòng bồ-đề của một vị Tề quan nhiệt thành về sự hoàng dương pháp bảo, khai hóa cho tín đồ, liền ủy ngay sư ông Tô-Liên đi diễn giảng, người cũng không dám quản ngại buổi giờ đông, tháng giá, vội vàng sắm gói sớ sách giấy má thuộc về bốn phận đem đi, đến khi trở về thì đã là ngày 28 tháng chạp ta, nên tờ trình của quan Đốc Nguyễn-văn-Thực là Đại-biễn hội Phật-giáo Thụy-anh, kỳ này chúng tôi mới được xem tới, trong tờ trình đại ước quan Đốc nói: « Chúng tôi tiếp được Thượng tơn Tô-Liên về diễn-giảng, liền cử ngay sư ông Trữ, trụ trì chùa Quảng-thượng, cư sĩ Nguyễn-hữu-Cử, chánh-hội làng Hồ-Đội, 2 vị cùng đi tùy tùng quan danh dự hội trưởng của bản chi, và Thượng-tọa Tô-liên về việc diễn giảng. Trong kỳ diễn-giảng cử động thêm được linh hai trăm hội viên trụ trì, năm chục vị đọc báo Đuốc-Tuệ, thu được linh hai chục bạc tiền báo Đuốc-Tuệ do các vị đọc giả xa xôi không tiện gửi, lại khuyến tập được một trăm bốn mươi đồng bạc (140p.00) của các nhà từ thiện và các hội viên gom góp lấm bồ đề cùng về việc chư tăng học tập.

Nghe tờ trình, chúng tôi rất lấy làm cảm động vô hạn, vậy xin đại diện cả *Thuyền-giới, tta-giới* và chư Tăng học sinh Bắc-kỳ, cảm ơn hai quan cùng liệt vị trong quý huyện Lại xin cầu nguyện Phật tổ hộ trì cho cả quý huyện đều được hưởng chung vạn phúc, già vui cõi thọ, trẻ mạnh đời xuân.

A-di Đà Phật
Phật-học Trí sự ban

*Thư kính các ngài thiện-tín
thập-phương*

Thưa các ngài,

Hội Bắc kỳ Phật giáo từ khi bắt đầu thành lập đã lưu tâm ngay đến việc dựng ngôi chùa Hội-quán Trung-Ương tại giữa thành phố Hanoi, cho được đồ sộ nguy nga, xứng đáng là một tự-viện đủ làm tiêu biểu cho toàn thể Phật-giáo nước nhà, và trang vẻ quan chiêm đối với các người ngoại quốc.

Ngôi chùa ấy do năm vị kiến-trúc sư đấu tài nhau vẽ thành một bản đồ chính thức và trù tính phải tiêu đến một món tiền không kém mười vạn đồng (100.000\$00) mới có thể xong được.

Duy trong khi trù toán dựng một cơ đồ vĩ đại như thế, công việc rất phiền phức, như là : làm giấy hợp đồng với thành phố Hanoi để xin đất làm chùa, đợi Quan Thống-Sứ phúc y, thì về các kiểu chùa, vãn vãn... nhất nhất đều phải thận trọng kỹ càng, phí mất ngày giờ, chứ không thể làm hấp tấp mà xong được. Bởi thế nên công việc chậm trễ lần lữa tới ngày nay. Bản Hội đồng nhân cũng tự lấy làm băn khoăn vô hạn. Tới nay các việc đã ổn thỏa, công cuộc kiến tạo sắp sửa bắt đầu thực hiện, thì gặp khi cụ Võ-Hiến Hoàng Tướng-Công là-Dạ-lỵ-dự Hội-Trưởng Hội ta lại cũng vừa mới về hưu.

Tướng Công vốn có nhiệt tâm đối với nền tôn-giáo của Tổ quốc. Ngài đã xét đến công quả lớn lao của Hội ta, vui lòng hứa nhận tán thành việc làm chùa, đề đơn đốc cho việc kiến-trúc mau chóng đến ngày kết quả.

Trước khi bắt đầu làm việc, Hoàng Tương Công có định thành hành đến làm lễ trước nơi Tam-Bảo tại chùa Quán-Sứ và muốn thỉnh các vị yếu nhân trong tín đồ nhà Phật, cùng đến dự lễ để Ngài có dịp phân trần về các công việc kiến tạo nay mai.

Lại nhân gặp ngày mồng tám tháng tư ta này tức là ngày 7 Mai 1938, là ngày Đức Phật-Tổ Thích Ca Mâu-Ni giáng thế, và là một ngày đại lễ long trọng thường niên của Bản Hội xưa nay.

Vậy ban Trị-Sự Trung-ương có lời thỉnh cầu các ngài đến 9 giờ chiều hôm ấy, dừng ngay đường xá xa xôi, bớt chút thì giờ quý báu, về chùa Hội quán Hanoi dự lễ cho đông, trước là tỏ chút lòng kỷ niệm đối với một bậc Đại-dĩc chí tôn trong pháp giới và sau là để Võ-Hiền Hoàng Tương-Công có dịp bày giải công việc làm chùa để các giáo-hữu cùng biết.

Việc kiến tạo ngôi chùa này là công cuộc lớn lao có một, mà cuộc hội diện cùng Võ-Hiền Tương Công hôm đó cũng là một việc quan hệ không hai. Dám xin các ngài phát tâm hỷ xả chiếu cố đến cho.

Một tấm bả tâm, muôn nghìn quả phúc. Bản Hội đồng nhân cúi xin Phật-Tổ độ trì cho các ngài cùng bảo quyến đều được vạn phúc và xin kính đợi đến ngày hội diện.

NAM-MÔ A - DI - ĐÀ PHẬT

Bắc kỳ Phật-giáo Hội Hội-Trưởng
NGUYỄN-NĂNG-QUỐC

Việc làm chùa Hội-quán Trung-ương

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-đồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội điều cúng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin dâng phương danh các vị hội viên chi hội Kiến-An đã cùng góp lên báo chương để các thiện-lin, thập-phương chứng giám.

Các ngài : Phạm đức Đầu, Lê thị Thúc, Nguyễn đức
 Khoi, Nguyễn văn Đản, Đặng thị Nghĩa, Nguyễn thị Oanh,
 Lê nguyên Baug Ngô thị Trà, Vương quang Lộc, Phạm thị
 Phúc, Nguyễn đấng Đấng, Phạm thủy Ngân, Mạnh-x-Lợi,
 Nguyễn thị Phúc, Nguyễn trọng Văn, Đặng hữu Lương,
 Hoàng thị Tu, Hoàng thị Xa, Trần ngọc Liên, Tư thị Ái,
 Trần thị Thường, Phạm văn Ngân, Phạm văn Địch, Phạm
 thị E, Nguyễn văn Hai, Nguyễn thị Thỉnh, Phạm thị An,
 Nguyễn ngọc Toại, Đặng thị Dương, Nguyễn thị Nhân,
 Phạm thị Mai, Vũ thị Như, Lê thị Lan, Văn sùng Sĩ,
 Nguyễn hữu Tuân, Nguyễn thị Đoàn, Vũ ngọc Lâm,
 Trần hữu Y, Vũ thị Như, Lý thị Dậu, Đỗ xuân Ty, Ngô
 thị Thảo, Phạm thị Dương, Phạm thị Thang, Đào thị
 Đấng, Phan thị Chữ, Lương thị Chi, Nguyễn văn Trường,
 Bùi thị Xuyên, Chu vi Lễ, Hàn thị Chương, Hoàng văn
 Hoàn, Hoàng văn Than, Hoàng ngọc Được, Vũ tá Loan,
 Đỗ đình Chư, Đỗ đình Bào, Vương thị Dung, Nguyễn
 thị Tích, Trần thị Ty, Nguyễn xuân Thời, Nguyễn kim
 Huệ, Cụ áu Xương, Cụ bà Nguyễn huy Xương, Nguyễn
 văn Hữu, Đặng thị Thía, Phạm thị Út, Cao thị Canh,
 Nguyễn văn Mẫn, Phạm văn Quất, Trần thị Ngọc, Bùi thị
 Huân, Đỗ thị Bạ, Nguyễn thị Kiên, Nguyễn thị Sinh,
 Hoàng văn Tý, Hoàng văn Phong, Nguyễn thị Tà, Phạm
 văn Dương, Nguyễn thị Hai, Nguyễn văn Thung, Nguyễn
 văn Duyệt, Vũ văn Trai, Nguyễn thị Ngươn, Nguyễn văn
 Tác, Nguyễn văn Vỹ, Hàn ngọc Hồ, Nguyễn văn Ván,
 Nguyễn văn Quất, Dương thị Liễu, Minh đình Kỳ, Vũ văn
 Chân, Nguyễn văn Liều, Đặng thị Nu, Nguyễn thị Sâm,
 Nguyễn thị San, Phạm huy Quy, Nguyễn thị Thảo, Vũ
 văn Sấn, Nguyễn thị Sâm.

Chi hội Quần phương hạ (Nam-định)

Các Ngài : Trần văn Rụ, Vũ thư Hương, Cò Đản, Bì
 cai Cơ, Bà chánh Uông, Trần văn Nhã, Trần văn Hậu,
 Bà cụ Tường, Bà chỉ Am, Lương viết Nha, Bà Chiền,